

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----*

Bản án số: 164/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/3/2025

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hồng

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Minh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Chiến** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 453/2024/TLST - HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc “**Tranh chấp ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2024/QĐXX-ST ngày 05/12/2024, quyết định hoãn phiên tòa ngày các ngày 19/12/2024, ngày 31/12/2024, ngày 20/02/2025 và ngày 07/3/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thuý M, sinh năm 1978.

Bị đơn: Anh Trần Hồng C, sinh năm 1980.

Cùng HKTT: F25 tập thể xà phòng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Hiện ở: Căn hộ số 12A05 Toà Bohemia, 25 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa, có mặt chị M, vắng mặt anh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Nguyễn Thuý M trình bày:

Chị và anh Trần Hồng C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/4/2007 tại UBND phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại Căn hộ số 12A05 Tòa Bohemia, 25 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, chị và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong hôn nhân. Bố mẹ hai bên đã nhiều lần hoà giải cho hai vợ chồng anh chị nhưng tình trạng mâu thuẫn không cải thiện. Từ năm 2019, anh chị đã sống ly thân, sống cùng nhà nhưng ngủ riêng, không ăn cùng nhau, không ai quan tâm đến ai, anh chị chỉ trao đổi với nhau những vấn đề liên quan đến con cái, cuộc sống hôn nhân lạnh nhạt. Chị nhận thấy mâu thuẫn giữa anh chị không thể hàn gắn, chị không còn tình cảm với anh C, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C để anh chị sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 người con chung là cháu Trần Thảo Lsinh ngày 06/09/2007 và cháu Trần Tùng Lsinh ngày 06/08/2010. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao các con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện chị M đang có công việc ổn định tại Công ty TNHH B với mức thu nhập trung bình 50.000.000 đồng, làm giờ hành chính, có chỗ ở ổn định nên hoàn toàn có thể đảm bảo các điều kiện chăm sóc các con chung. Mặt khác, các con chị cũng mong muốn được ở với chị. Về cấp dưỡng nuôi con, chị M không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung (động sản, bất động sản) và các khoản nợ chung: Chị và anh C không có tài sản, nhà ở chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Chị và anh C không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Trần Hồng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không chấp hành nghĩa vụ của đương sự đối với Tòa án theo quy định của pháp luật, không có yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tại phiên tòa phát biểu: Quá trình Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa và tại phiên tòa, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp hành triệu tập của Tòa án. Bị đơn không chấp hành, không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/30.12.2016 của

UBTVQH quy định về án phí xử: Chấp nhận đơn ly hôn của chị Nguyễn Thuý M, xử cho chị Nguyễn Thuý M và anh Trần Hồng C được ly hôn; Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thảo L sinh ngày 06/09/2007 và cháu Trần Tùng L sinh ngày 06/08/2010 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị M rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con. Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thuý M đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Trần Hồng C. Anh C có hộ khẩu thường trú tại: F25 tập thể xà phòng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội và hiện ở: Căn hộ số 12A05 Toà Bohemia, 25 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, nên xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Chị Nguyễn Thuý M đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn – anh Trần Hồng C đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, anh C không chấp hành triệu tập của Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh C.

3. Về nội dung vụ án:

3.1 Về yêu cầu ly hôn: Chị Nguyễn Thuý M và anh Trần Hồng C đăng ký kết hôn ngày 10/4/2007 tại UBND phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, vợ chồng không chia sẻ với nhau, anh chị vẫn sống cùng nhà nhưng ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai, anh chị chỉ trao đổi với nhau những vấn đề liên quan đến con cái.

Theo Biên bản trao đổi ngày 13/02/2025 xác minh tại địa phương xác định:
“...Tổ dân phố không nắm được tình hình mâu thuẫn của chị M và anh C, chưa

tình hoà giải về mâu thuẫn cho anh chị”, và tại Biên bản trao đổi ngày 22/11/2024, bà Tổ trưởng Tổ dân phố 21 cho biết: “...Bà đã giao văn bản của Toà án cho anh Trần Hồng C nhưng anh C từ chối nhận... Anh C biết việc Toà án đang xử lý việc ly hôn giữa anh và chị M nhưng anh không quan tâm, cho rằng toà xử thế nào là việc của toà, không cần hoà giải...”

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ nhau. Chị M và anh C sống cùng nhà nhưng ly thân, không đạt được mục đích hôn nhân là duy trì cuộc sống chung hoà thuận, hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, anh C được triệu tập hợp lệ đến Toà án làm việc nhưng không chấp hành, không có ý kiến, văn bản gửi Toà án, thể hiện thái độ bỏ mặc mâu thuẫn vợ chồng. Chị M kiên quyết yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị M, anh C đã trầm trọng nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thuý M đối với anh Trần Hồng C là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3.2 Về con chung: Chị M xác nhận quá trình chung sống anh chị có 02 người con chung là cháu Trần Thảo L sinh ngày 06/09/2007 và cháu Trần Tùng L sinh ngày 06/08/2010. Chị M có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị M đang có công việc ổn định tại Công ty TNHH B với mức thu nhập trung bình 50.000.000 đồng, làm giờ hành chính, có chỗ ở ổn định nên hoàn toàn có thể đảm bảo các điều kiện chăm sóc các con chung. Mặt khác, các con chị cũng mong muốn được ở với chị. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã yêu cầu anh C thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án cũng như việc nuôi con nhưng anh C không chấp hành. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích của các con chung của anh chị, Toà án giao cả hai con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện gửi Toà án, chị M yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 Đồng/1 cháu cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Quá trình giải quyết vụ án, chị M rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Do chị M không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh C đến khi có yêu cầu. Anh C có quyền nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3.3 Về tài sản, nhà ở chung: Chị M không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị M trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

3.4 Về án phí: Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

3.5 Về quyền kháng cáo: Chị M và anh C có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 97, Điều 98, Điều 177, Điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 211 khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thuý M. Chị Nguyễn Thuý M được ly hôn anh Trần Hồng C.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thuý M, anh Trần Hồng C có 02 người con chung là cháu Trần Thảo L sinh ngày 06/09/2007 và cháu Trần Tùng L sinh ngày 06/08/2010. Giao cả hai con chung cho chị Nguyễn Thuý M trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có đương sự yêu cầu.

Anh C có quyền nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nhà ở chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị M cam đoan anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Chị Nguyễn Thuý M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0036550 ngày 18/10/2024. Xác nhận chị M đã nộp xong.

5. Chị Nguyễn Thuý M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Hồng C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

Nơi nhận:

- TAND Tp Hà Nội
- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- Chi cục THA quận Thanh Xuân;
- UBND phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân (Giấy CNKH số 52 ngày 10/4/2007, quyền số 01);
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Phương

